BỘ CÂU HỎI ĐỀ THI THEO QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỚI SQL SERVER

Nghề: Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) **Môn học/mô đun:** QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỚI SQL SERVER

TT	Nội dung	Trả lời đúng
1	Để hiển thị lương nhân viên (basic) sau khi tăng 10% từ bảng employee, ta viết câu lệnh	
A	Select emp_code, basic*.10 from employee order by emp_code	
B	Select emp_code, basic+basic*.01 from employee order by emp_code	
C	Select emp_code, basic+10 from employee order by emp_code	
D	Select emp_code, basic+basic*.10 from employee order by emp_code	1
E		
F		
2	Câu lệnh tạo bảng nào dưới đây là **ĐÚNG**:	
A	CREATE TABLE VatTu (mavt CHAR(4) NOT NULL, tenvt VARCHAR(30), phantram TINYINT CONSTRAINT PRKVatTumavt PRIMARY KEY(mavt), CONSTRAINT DEF_VatTu_phantram DEFAULT 20 FOR phantram)	
B	CREATE TABLE VatTu (mavt CHAR(4) NOT NULL, tenvt VARCHAR(30), phantram TINYINT CONSTRAINT DEF_VatTu_phantram DEFAULT 20 FOR phantram CONSTRAINT PRKVatTumavt PRIMARY KEY(mavt))	
C	CREATE TABLE VatTu (mavt CHAR(4) NOT NULL, tenvt VARCHAR(30), phantram TINYINT CONSTRAINT DEF_VatTu_phantram DEFAULT 20 CONSTRAINT PRKVatTumavt PRIMARY KEY(mavt))	
D	CREATE TABLE VatTu (mavt CHAR(4) NOT NULL, tenvt VARCHAR(30),	1

<table>
<tr><td></td><td>phantram TINYINT,
CONSTRAINT DEF_VatTu_phantram DEFAULT 20 ,CONSTRAINT PRKVatTumavt PRIMARY KEY(mavt))</td><td></td></tr>
<tr><td>E</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>F</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>Xét bảng Sinh_Vien(masv, ho, ten, so_dien_thoai) với so dien thoai có kiểu VARCHAR(10) và cho phép NULL.
<table>
<tr><td colspan="4">Sinh Vien</td></tr>
<tr><td>MaSV</td><td>Ho</td><td>Ten</td><td>So_dien_thoai</td></tr>
<tr><td>A001</td><td>Lê Văn</td><td>Nghĩa</td><td>8965134</td></tr>
<tr><td>A002</td><td>Nguyễn Thi</td><td>Lan</td><td></td></tr>
<tr><td>A003</td><td>Trần Văn</td><td>Thái</td><td>NULL</td></tr>
</table>
Thực hiện câu lệnh truy vấn sau:
SELECT masv, ISNULL(so_dien_thoai, ’Chưa có’) FROM SinhVien
Cho biết kết quả nào dưới đây là <u>ĐÚNG</u>:</td><td></td></tr>
<tr><td>A</td><td>Kết quả
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>So dien thoai</td></tr>
<tr><td>A001</td><td>8965134</td></tr>
<tr><td>A002</td><td>Chưa có</td></tr>
<tr><td>A003</td><td>Chưa có</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
<tr><td>B</td><td>Kết quả
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>So dien thoai</td></tr>
<tr><td>A001</td><td>8965134</td></tr>
<tr><td>A002</td><td>Chưa có</td></tr>
<tr><td>A003</td><td></td></tr>
</table></td><td></td></tr>
<tr><td>C</td><td>Kết quả
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>So dien thoai</td></tr>
<tr><td>A001</td><td>8965134</td></tr>
<tr><td>A002</td><td></td></tr>
<tr><td>A003</td><td>Chưa có</td></tr>
</table></td><td>1</td></tr>
<tr><td>D</td><td>Kết quả
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>So dien thoai</td></tr>
<tr><td>A001</td><td>8965134</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
</table>

	A002 A003	
E		
F		
4	Thực hiện các câu lệnh sau: DECLARE @thong_bao CHAR(10), @ma_loi INT SET @thong_bao = 'Lỗi:' SET @ma_loi = 1 IF @ma_loi=l SET @thong_bao = @thong_bao+'không xác định' PRINT @thong_bao Khi in ra biến @thong_bao thì kết quả nào dưới đây là **ĐÚNG**:	
A	'Lỗi: '	1
B	'Lỗi: không xác định'	
C	Hệ thống báo lỗi tràn chuỗi trong biến @thong_bao	
D	Tất cả đều sai	
E		
F		
5	Xét bảng Sinh_Vien(masv, ho, ten, makh) và bảng KETQUA(masv,mamh, diem). **Tên cột** — **Ý nghĩa** Masv — Mã Sinh viên Makh — Mã khoa Mamh — Mã môn Diem — Điểm số Để liệt kê các Sinh viên trong khoa **TH** có điểm trung bình lớn nhất thì câu lệnh truy vấn nào dưới đây là **ĐÚNG**:	
A	SELECT kq.masv,ho,ten,AVG(diem) FROM Ket Qua kq INNER JOIN Sinh Vien sv ON kq.masv=sv.masv WHERE makh='TH' AND AVG(diem) IN (SELECT TOP 1 AVG(diem)	

<table>
<tr><td></td><td>FROM Ket Qua kq INNER JOIN Sinh Vien sv ON kq.masv=sv.masv WHERE makh='TH' GROUP BY kq.masv ORDER BY AVG(diem) DESC)
GROUP BY kq.masv,ho,ten</td><td></td></tr>
<tr><td>B</td><td>SELECT kq.masv,ho,ten,AVG(diem)
FROM Ket Qua kq INNER JOIN Sinh Vien sv ON kq.masv=sv.masv GROUP BY kq.masv,ho,ten HAVING AVG(diem) IN (SELECT TOP 1 AVG(diem)
FROM Ket Qua kq INNER JOIN Sinh Vien sv ON kq.masv=sv.masv WHERE makh='TH' GROUP BY kq.masv ORDER BY AVG(diem) DESC)</td><td></td></tr>
<tr><td>C</td><td>SELECT kq.masv,ho,ten,AVG(diem)
FROM Ket Qua kq INNER JOIN Sinh Vien sv ON kq.masv=sv.masv
WHERE makh='TH' GROUP BY kq.masv,ho,ten HAVING AVG(diem) IN (
SELECT TOP 1 AVG(diem)
FROM Ket Qua kq INNER JOIN Sinh Vien sv ON kq.masv=sv.masv WHERE makh='TH' GROUP BY kq.masv ORDER BY AVG(diem) DESC)</td><td></td></tr>
<tr><td>D</td><td>Tất cả đều đúng</td><td>1</td></tr>
<tr><td>E</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>F</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td>Xét bảng PHIEU_NHAP(sopn, ngaynhap) có các mẩu tin sau:
<table>
<tr><td colspan="2">Phieu_Nhap</td></tr>
<tr><td>Sopn</td><td>Ngaynhap</td></tr>
<tr><td>N001</td><td>2014-04-01</td></tr>
<tr><td>N002</td><td>2014-04-03</td></tr>
<tr><td>N003</td><td>2014-04-10</td></tr>
<tr><td>N004</td><td>2014-05-01</td></tr>
<tr><td>N005</td><td>2014-05-01</td></tr>
</table>
Để lọc ra các phiếu nhập phát hành trong tháng 4/2014 thì câu lệnh nào dưới đây sẽ lọc có dữ liệu:</td><td></td></tr>
<tr><td>A</td><td>SELECT * FROM Phieu_Nhap
WHERE CONVERT(CHAR(6),ngaynhap, 112)='2014-04'</td><td></td></tr>
</table>

B	SELECT * FROM Phieu_Nhap WHERE CONVERT(CHAR(6),ngaynhap, 112)='201404'	
C	SELECT* FROM Phieu_Nhap WHERE CONVERT(CHAR(7),ngaynhap,112) ='2014-04'	1
D	SELECT * FROM Phieu_Nhap WHERE CONVERT(CHAR(6),ngaynhap,12)-201404'	
E		
F		
7	Để tính, tổng các số nguyên từ 1 đến 10 bằng cách sử dụng vòng lặp WHILE. Xét đoạn lệnh dưới đây: DECLARE @i INT, @tong INT SET @i=1 SET @tong=0 WHILE @i<=10 SET @tong=@tong+@i SET @i=@i+l PRINT @tong Trong các trường hợp thì trường hợp nào dưới đây là **ĐÚNG**:	
A	Kết quả in ra của biến @tong là: 55	
B	Kết quả in ra của biến @tong là: 0	
C	Kết quả in ra của biến @tong là: 1	
D	Vòng lặp không bao giờ dừng	1
E		
F		
8	Xét các bảng Sinh_Vien và Khoa	

<table>
<tr><td></td><td> 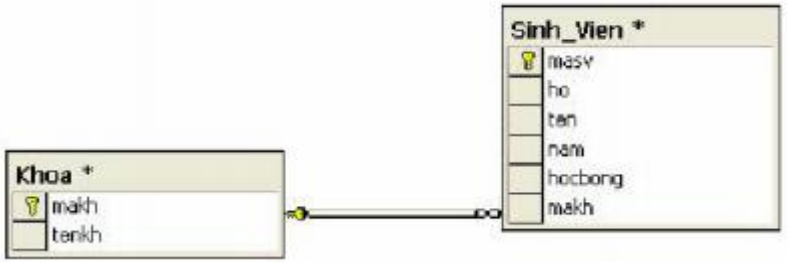

Để thống kê tổng số Sinh viên từng khoa chưa có học bổng (cột hocbong=0) thì câu lệnh nào sau đây là <u>ĐÚNG</u></td><td></td></tr>
<tr><td>A</td><td>SELECT Khoa.makh, tenkh. Count(*) as dem
FROM Sinh Vien Inner Join Khoa On SinhVien.makh = Khoa.makh WHERE hocbong = 0 GROUP BY Khoa.makh, tenkh</td><td>1</td></tr>
<tr><td>B</td><td>SELECT Khoa.makh, tenkh. Count(*) as dem
FROM Sinh_Vien Inner Join Khoa On Sinh_vien.makh = Khoa.makh WHERE hocbong > 0 GROUP BY Khoa.makh, tenkh</td><td></td></tr>
<tr><td>C</td><td>SELECT Khoa.makh, tenkh. Count(*) as dem
FROM Sinh_Vien Inner Join Khoa On Sinh_vien.makh = Khoa.makh
GROUP BY Khoa.makh, tenkh WHERE hocbong = 0</td><td></td></tr>
<tr><td>D</td><td>SELECT Khoa.makh, tenkh, Count(*) as dem
FROM Sinh Vien Inner Join Khoa On Sinh_Vien.makh = Khoa.makh GROUP BY Khoa.makh, tenkh HAVING hocbong=0</td><td></td></tr>
<tr><td>E</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>F</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>9</td><td>Xét bảng SinhVien.
<table>
<tr><td colspan="4">SinhVien</td></tr>
<tr><td>MaSV</td><td>Ho</td><td>Ten</td><td>MaKH</td></tr>
<tr><td>A01</td><td>Nguyen Van</td><td>Hung</td><td>AV</td></tr>
<tr><td>A02</td><td>Tran Thi</td><td>Tuyet</td><td>AV</td></tr>
<tr><td>B01</td><td>Le Van</td><td>Nghia</td><td>TH</td></tr>
<tr><td>B02</td><td>Hoang Ngoc</td><td>Phuong</td><td>TH</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><td>C01</td><td>Truong Thi</td><td>Chau</td><td>TR</td></tr>
<tr><td>C02</td><td>Mai Tu</td><td>Phuong</td><td>TR</td></tr>
</table>
Câu lệnh:
SELECT masv, ho, ten, makh FROM Sinh Vien WHERE makh IN
(SELECT makh FROM Sinh Vien WHERE masv IN
(SELECT masv FROM Sinh Vien WHERE ten = 'Phuong'))
Kết quả nào dưới đây là ĐÚNG khi thực hiện câu lệnh trên</td><td></td></tr>
<tr><td>A</td><td>
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>Ho</td><td>Ten</td><td>MaKH</td></tr>
<tr><td>C01</td><td>Truong Thi</td><td>Chau</td><td>TR</td></tr>
<tr><td>C02</td><td>Mai Tu</td><td>Phuong</td><td>TR</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
<tr><td>B</td><td>
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>Ho</td><td>Ten</td><td>MaKH</td></tr>
<tr><td>B01</td><td>Le Van</td><td>Nghia</td><td>TH</td></tr>
<tr><td>B02</td><td>Hoang Ngoc</td><td>Phuong</td><td>TH</td></tr>
</table></td><td>1</td></tr>
<tr><td>C</td><td>
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>Ho</td><td>Ten</td><td>MaKH</td></tr>
<tr><td>B02</td><td>Hoang Ngoc</td><td>Phuong</td><td>TH</td></tr>
<tr><td>C02</td><td>Mai Tu</td><td>Phuong</td><td>TR</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
<tr><td>D</td><td>
<table>
<tr><td>MaSV</td><td>Ho</td><td>Ten</td><td>MaKH</td></tr>
<tr><td>B01</td><td>Le Van</td><td>Nghia</td><td>TH</td></tr>
<tr><td>B02</td><td>Hoang Ngoc</td><td>Phuong</td><td>TH</td></tr>
<tr><td>C01</td><td>Truong Thi</td><td>Chau</td><td>TR</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
<tr><td>E</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>F</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>10</td><td>Xét các bảng Sinh_Vien và Khoa</td><td></td></tr>
</table>

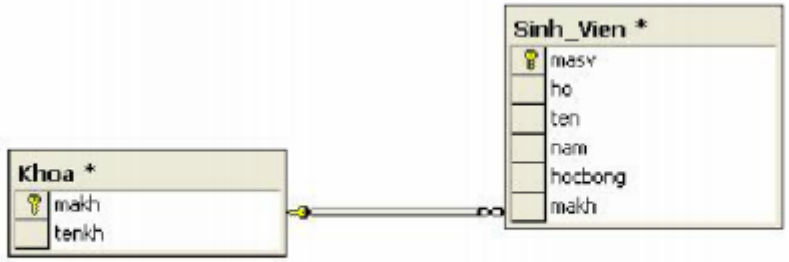

Sinh_Vien				
MaSV	Ho	Ten	MaKH	Nam
A01	Nguyen Van	Hung	AV	1
A02	Tran Thi	Tuyet	AV	0
B01	Le Van	Nghia	TH	1
B02	Hoang Ngoc	Phuong	TH	0

Khoa	
MaKH	TenKH
AV	Anh van
TH	Tin hoc

Câu lệnh:

SELECT Khoa.makh, tenkh, Count(*) as dem
FROM Sinh_Vien Inner Join Khoa On Sinh_Vien.makh =Khoa.makh
WHERE nam=1
GROUP BY Khoa.makh, tenkh
UNION
SELECT Khoa.makh, tenkh, Count(*) as dem FROM Sinh_Vien Inner Join Khoa On Sinh_Vien.makh = Khoa.makh
WHERE nam=0 GROUP BY Khoa.makh, tenkh

Kết quả nào dưới đây là **ĐÚNG** khi thực hiện câu lệnh trên

A

MaKH	TenKH	Dem
AV	Anh van	4

B

AV	Anh van	2
TH	Tin hoc	2

<table>
<tr><td>C</td><td><table><tr><td>MaKH</td><td>TenKH</td><td>Dem</td></tr><tr><td>AV</td><td>Anh van</td><td>1</td></tr><tr><td>TH</td><td>Tin hoc</td><td>1</td></tr><tr><td>AV</td><td>Anh van</td><td>1</td></tr><tr><td>TH</td><td>Tin hoc</td><td>1</td></tr></table></td><td>1</td></tr>
<tr><td>D</td><td><table><tr><td>MaKH</td><td>TenKH</td><td>Dem</td></tr><tr><td>AV</td><td>Anh van</td><td>1</td></tr><tr><td>TH</td><td>Tin hoc</td><td>1</td></tr></table></td><td></td></tr>
<tr><td>E</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>F</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>11</td><td>Xét bảng Sinh_Vien
 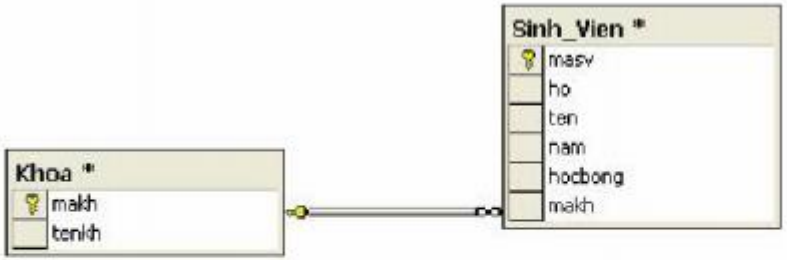

<table><tr><td colspan="2">Khoa</td></tr><tr><td>MaKH</td><td>TenKH</td></tr><tr><td>AV</td><td>Anh van</td></tr><tr><td>TH</td><td>Tin hoc</td></tr></table>
Giả sử bảng Sinh_Vien là bảng rỗng. Câu lệnh:
INSERT INTO Sinh_Vien (masv, ho, ten, nam, makh)
VALUES(‘A01’,’Le Van’,’Nghĩa’, 1, ’av')
Khi thực hiện câu lệnh trên thì xảy ra lỗi. Chọn các nguyên nhân có thể gây ra lỗi</td><td></td></tr>
<tr><td>A</td><td>Giá trị của cột hocbong không cho phép NULL</td><td></td></tr>
<tr><td>B</td><td>Trùng mã Sinh viên</td><td></td></tr>
<tr><td>C</td><td>Mã khoa phải là chữ HOA. Ví dụ là AV</td><td></td></tr>
<tr><td>D</td><td>Giá trị của cột hocbong bắt buộc phải là một số dương và không cho phép NULL</td><td>1</td></tr>
</table>

E		
F		
12	Câu lệnh ALTER TABLE khi sử dụng để thao tác với các CONSTRAINT thì không thể:	
A	Thêm hoặc xoá các constraint	
B	Bật hay tắt chế độ kiểm tra dữ liệu trên contraint	
C	Đổi tên một constraint	
D	Xác định thứ tự các constraint mà SQL sẽ dùng để kiểm tra dữ liệu	1
E		
F		
13	Chọn lệnh để định nghĩa kiểu dữ liệu mới có tên DiaChi. Kiểu dữ liệu DiaChi dùng để khai báo những cột dữ liệu có thể chứa tối đa 100 ký tự và KHÔNG cho phép Null.	
A	spaddtype DiaChi, ‘Varchar(0..100)', 'Not Null'	1
B	spaddtype DiaChi, 'varchar(100)', 'Not Null'	
C	spaddtype DiaChi, 'varchar()', 'Not Null'	
D	spaddtype DiaChi,'varchar(100)'	
E		
F		
14	Giá trị Null từng cột của biểu thức ON được xử lý thế nào khi tiến hành JOIN hai bảng	
A	Các dòng có chứa giá tri NULL của bảng này chỉ kết hợp các dòng có giá trị NULL ở bảng còn lại	
B	Các dòng có chứa giá tri NULL sẽ không được trả về trừ khi sử dụng OUTER JOIN	
C	Các dòng có chứa giá trị NULL của bảng này kết hợp với tất cả các dòng bảng còn lại	1

D	Các dòng có chứa giá trị NULL của bảng này không kết hợp được với bất cứ dòng nào ở bảng còn lại	
E		
F		
15	Để tạo bảng sao lưu VatTu_BK từ bảng VatTu. Chọn câu lệnh **ĐÚNG**:	
A	SELECT * FROM VatTu INTO VatTu BK	
B	CREATE TABLE VatTu_BK FROM VatTu	
C	CREATE TABLE VatTu_BKAS SELECT * FROM VatTu	
D	SELECT * INTO VatTu_BK FROM VatTu	1
E		
F		
16	Bạn cần tạo CSDL tên Toys có ít nhất 50MB trống dành cho dữ liệu và kích cỡ lúc đầu 15MB dành cho transaction log. Lệnh nào sau đây bạn nên dùng để tạo CSDL?	
A	CREATE DATABASE Toys ON (NAME = Toys_dat,SIZE = 50) LOG ON (NAME = Toys_log,SIZE = 15)	1
B	CREATE DATABASE Toys ON (NAME = Toys_dat,FILENAME = 'D:\Microsoft SQL Server\MSSQL\Data\Toys.mdf',SIZE = 60)	
C	CREATE DATABASE Toys ON (FILENAME = 'D:\Microsoft SQL Server\MSSQL\Data\Toys.mdf',SIZE = 51200) LOG ON (FILENAME = 'D:\Microsoft SQL Server\MSSQL\Data\Toys.ldf',SIZE = 15360)" [	
D	CREATE DATABASE Toys ON (NAME = Toys_dat,FILENAME = 'D:\Microsoft SQL Server\MSSQL\Data\Toys.mdf',SIZE = 50)	
E		
F		

17	Để đổi từ mã ASCII sang ký tự. Chọn phát biểu **ĐÚNG**:	
A	Hàm ASCII	
B	Hàm CHR	
C	Hàm CHAR	1
D	Hàm STUFF	
E		
F		
18	Lệnh nào dùng để thêm cột Emp_EmailId vào bảng Emp_details với kiểu dữ liệu là varchar và kích cỡ là 10:	
A	Alter COLUMN EMP_Details ADD (Emp_EmailId) vchar(10) NOT NULL	
B	Alter COLUMN EMP_Details ADD (Emp_EmailId) varchar(10)	
C	Alter EMP_Details ADD Emp_EmailId varchar(10)	
D	Alter Table EMP_Details ADD Emp_EmailId varchar(10)	1
E		
F		
19	Đối tượng nào sau đây để tăng tốc truy tìm các hàng trong 1 bảng hay view	
A	Ràng buộc (constraints)	
B	Triggers	
C	Stored procedures	
D	Chỉ mục (Indexes)	1
E		
F		
20	Chọn câu lệnh thích hợp để xuất ra cửa sổ kết quả của Query chuỗi có dạng sau (lưu ý giá trị 17/06/2014 là ngày hiện hành khi thực thi câu lệnh): Ngay hien hanh la:17/06/2014	

A	print 'Ngay hien hanh la:' + convert(char(10),date(),103)	
B	print 'Ngay hien hanh la:' + convert(char(10),getdate(), 103)	1
C	print 'Ngay hien hanh la:' + convert(getdate(),103)	
D	print 'Ngay hien hanh la:' + getdateO	
E		
F		
21	Giả sử bảng KHOA là bảng rỗng. Xét giao tác sau: BEGIN TRAN INSERT INTO Khoa (makh,tenkh) VALUES ('AV', 'Khoa Anh') INSERT INTO Khoa (makh tenkh) VALUES (TH','Khoa Tin hoc') SAVE TRAN sp_l INSERT INTO Khoa (makh,tenkh) VALUES ('LY','Khoa Vat ly') ROLLBACK TRAN sp_l COMMIT TRAN Cho biết kết quả nào dưới đây là **ĐÚNG** khi kết thúc giao tác trên và thực hiện lệnh SELECT makh FROM KHOA:	
A	AV, TH, LY	
B	AV, TH	
C	LY	1
D	Tất cả đều sai	
E		
F		
22	Rắc rối nào xảy ra khi primary key cho phép có giá trị NULL :	
A	Khó xác định tính duy nhất của các hàng	1
B	Khó xác định tính duy nhất của các cột	

C	Khó kết nối các bảng	
D	Khó xác định foreign key	
E		
F		
23	Bảng tmpCount được tạo ra với khoá chính ID là trường số tự động và trường page (số trang) phải nhỏ hơn 50. Lệnh nào sau đây là hợp lệ:	
A	Create table tmpCount (id int identity(1,1), page int constraint check page between 1 and 49)	1
B	Create table tmpCount (id int identity(1,1), page char constraint check page between 1 and 49)	
C	Create table tmpCount (id char identity(1,1), page int constraint check page between 1 and 49)	
D	Create table tmpCount (id int identity(1,1), page int constraint check page between 1 and 50)	
E		
F		
24	Giả sử bảng KHOA là bảng rỗng và có cấu trúc: KHOA(makh,tenkh). Xét giao tác sau: BEGIN TRAN Cap1 INSERT INTO Khoa (makh,tenkh) VALUES (’AV’,’Khoa Anh’) BEGIN TRAN Cap2 INSERT INTO Khoa (makh,tenkh) VALUES (’LY’,’Khoa Vat ly’) COMMIT TRAN Cap2 ROLLBACK TRAN Cap1 Cho biết kết quả nào dưới đây là **ĐÚNG** khi thực hiện lệnh: SELECT makh FROM Khoa	
A	AV, LY	
B	AV	
C	LY	

D	Bảng KHOA vẫn là bảng rỗng	1
E		
F		
25	Trong SQL Server , để tạo và xoá một user_defined data type , ta có thể sử dụng:	
A	CREATE UDDT and DROP UDDT	
B	sp_addtype and sp_unbindtype	
C	sp_bindtype and sp_droptype	1
D	sp_addtype and sp_droptype	
E		
F		
26	Constraint nào được dùng để gán giá trị hằng cho 1 cột?	
A	PRIMARY KEY	
B	UNIQUE	
C	CHECK	
D	DEFAULT	1
E		
F		
27	john muốn tạo thêm 1 ràng buộc CHECK mà ràng buộc này sẽ bỏ qua không kiểm tra điều kiện của các hàng đã có sẵn trong 1 bảng. Tuỳ chọn nào nên được dùng trong khi tạo ràng buộc này?	
A	WITH NOCHECK	1
B	WITH CHECK	
C	WITH RECOMPILE	
D	NOCHECK	
E		

F		
28	Câu lệnh SQL nào sau đây dùng để xóa cả cấu trúc và dữ liệu của bảng có tên là STUDENT?	
A	DROP TABLE STUDENT	1
B	DELETE TABLE STUDENT	
C	REMOVE TABLE STUDENT	
D	DELETE FROM STUDENT	
E		
F		
29	Câu lệnh SQL nào sau đây dùng để loại bỏ chỉ dữ liệu từ bảng có tên là STUDENT, trong khi để lại nguyên vẹn cấu trúc bảng?	
A	DROP TABLE STUDENT	
B	DELETE TABLE STUDENT	
C	REMOVE TABLE STUDENT	
D	DELETE FROM STUDENT	1
E		
F		
30	Từ khóa SQL nào dùng để loại bỏ các hàng trùng lặp trong kết quả của một truy vấn SQL SELECT?	
A	UNIQUE	
B	SORT	
C	ORDER BY	
D	DISTINCT	1
E		
F		
31	Câu truy vấn nào hiển thị tổng số dòng dữ liệu có trong bảng emp?	

A	Select rowcount from emp	
B	Select totalrows from emp	
C	Select count(*) from emp	1
D	Select count_rows from emp	
E		
F		
32	Mệnh đề được dùng để nhóm các record giống nhau lại với nhau?	
A	GROUP BY	1
B	HAVING	
C	WHERE	
D	ORDER BY	
E		
F		
33	Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về hàm COUNT(*)?	
A	Nó có thể truyền một tham số	
B	Nó trả về số các dòng khác nhau sử dụng từ khóa DISTINCT	
C	Nó trả về số các dòng kể cả dòng có chứa giá trị NULL	1
D	Nó trả về số các dòng bỏ qua các dòng có chứa giá trị NULL	
E		
F		
34	Khi thiết kế bảng, bạn đặt trường Emp_id làm khóa chính. Toàn vẹn dữ liệu nào hỗ trợ cho trường hợp này?	
A	Tòan vẹn thực thể	1
B	Toàn vẹn tham chiếu	

C	Toàn vẹn miền	
D	Tòan vẹn do người dùng định nghĩa	
E		
F		
35	Update Products set UnitPrice = UnitPrice + (UnitPrice * .10) where UnitPrice between 60 and 70 Kết quả của câu lệnh trên là?	
A	Tăng 10% giá (UnitPrice) trong bảng Products, cho những sản phẩm có giá là 60 hoặc 70	
B	Tăng 10% giá (UnitPrice) trong bảng Products, cho những sản phẩm có giá từ 60 đến 70	
C	Tăng 10% giá (UnitPrice) trong bảng Products, cho những sản phẩm có giá từ 60 đến 70, không kể 2 giá trị 60 và 70	1
D	Tất cả các phương án điều sai.	
E		
F		
36	Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau: SINHVIEN(MaSV, HoSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop) LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa, GVCN) KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem) MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi) Liệt kê danh sách các Sinh viên gồm (MaSV, HoSV, TenSV) có điểm thi môn CSDL cao nhất?	
A	Select K.MaSV, HoSV, TenSV From SinhVien S, KetQua K Where S.MASV=K.mAsV And MaMH='CSDL' And Diem>=ALL(Select Diem From KetQua where MaMH ='CSDL')	
B	Select K.MaSV, HoSV, TenSV From SinhVien S, ketqua K Where S.MASV=K.MASV And MaMH='CSDL' And Diem=(Select max(Diem) From ketqua where MaMH	

	='CSDL')	
C	Select top 1 with ties K.MaSV, HoSV, TenSV From SinhVien S, KetQua K Where S.MASV=K.MASV And MaMH='CSDL' order by diem desc	
D	Tất cả các phương án trên.	1
E		
F		
37	Câu lệnh truy vấn nào sau đây là **SAI** cú pháp?	
A	SELECT ProductName FROM products WHERE (UnitPrice < 10) , (UnitsInStock > 5)	1
B	SELECT ProductName FROM products WHERE (UnitPrice < 10) OR NOT (UnitsInStock > 5)	
C	SELECT ProductName FROM products WHERE UnitPrice < 10 OR UnitsInStock > 5	
D	SELECT ProductName FROM products WHERE UnitPrice < 10 AND UnitsInStock > 5	
E		
F		
38	Cho 1 bảng với cấu trúc sau: NhanVien(MaNV, TenNV, Luong, NgayBatDauVaoLam) hãy tạo câu truy vấn SQL để tìm nhân viên có lương cao nhất.	
A	SELECT * FROM NhanVien ORDER BY Luong DESC;	
B	SELECT top 1 * FROM NhanVien ORDER BY Luong;	
C	SELECT top 1 * FROM NhanVien ORDER BY Luong DESC;	1
D	SELECT top 1 * FROM NhanVien;	

E		
F		
39	Cho 1 bảng với cấu trúc sau: NhanVien(MaNV, TenNV, Luong, NgayBatDauVaoLam), Tạo câu truy vấn SQL để tìm tất cả các nhân viên bắt đầu vào làm việc trong năm 2015?	
A	SELECT * FROM NhanVien WHERE NgayBatDauVaoLam=2015;	
B	SELECT * FROM NhanVien WHERE NgayBatDauVaoLam>='01/01/2015';	1
C	SELECT *	
D	Câu lệnh Delete sẽ lỗi do sai cú pháp.	
E		
F		
40	Một bảng có n dòng và có một khoá duy nhất (unique key). Giả sử trong 1 dòng của bảng, khoá có giá trị null. Nếu 1 lệnh truy vấn thực hiện một phép kết bằng trên bảng này với chính nó thông qua khoá duy nhất này. Kết quả cuả câu truy vấn trả về bao nhiêu dòng?	
A	ít hơn n dòng.	
B	Nhiều hơn n dòng.	
C	không có dòng nào cả.	
D	n dòng	1
E		
F		
41	Cho lược đồ quan hệ sau: SinhVien (MaSV, HoSV, TenSV, DiaChi, ThanhPho,MaVung) Dựa vào lược đồ quan hệ trên, thay đổi mã vùng cuả Sinh viên ở Tp.HCM thành 08?	

A	Update SinhVien Set MaVung='08' Where ThanhPho='Tp.HCM'	1
B	Update MaVung='08' Where ThanhPho='Tp.HCM'	
C	Update SinhVien Where ThanhPho='Tp.HCM' And MaVung='08'	
D	Tất cả các phương án trên.	
E		
F		
42	Trong lệnh cập nhật dữ liệu UPDATE, nếu ta không dùng mệnh đề WHERE thì:	
A	Sẽ không thực hiện lệnh cập nhật	
B	Chì một số dòng được cập nhật	
C	Không có dòng nào được cập nhật	
D	Tất cả các dòng sẽ được cập nhật	1
E		
F		
43	Cho câu lệnh SQL: SELECT count(SOHD) FROM HOADON GROUP BY NGAYXUAT; Câu lệnh này sẽ cho kết quả:	
A	Số hóa đơn tương ứng với ngày xuất	
B	Tổng số hóa đơn	
C	Số lượng hóa đơn xuất ra theo ngày	1
D	Câu lệnh không đúng	
E		
F		
44	Cho câu truy vấn sau: SELECT E.EMPLOYEE_NAME, P.PAYSCALE FROM EMPLOYEES E WHERE 500>ALL(SELECT P.BONUSPAY	

	FROM PAYLIST P WHERE P.EMPLOYEE_ID = E.EMPLOYEE_ID); Câu truy vấn trên **SAI** ở điểm nào:	
A	Câu lệnh SELECT không thể lấy cột PAYSCALE	1
B	Subquery không thể trả về nhiều dòng	
C	Subquery không thể truy cập dữ liệu ở bảng EMPLOYEES	
D	Không có lỗi nào.	
E		
F		
45	Cho quan hệ Cungcap MaNCC | Mahang | Soluong 101 | 1 | 20 101 | 2 | 30 102 | 1 | 14 103 | 4 | 21 104 | 4 | 10 105 | 1 | 5 Kết quả câu truy vấn SQL : Select Mahang From Cungcap Group By Mahang Having Count(*) = (Select Max(Count(*)) From Cungcap Group By Mahang)	
A	1	1
B	2	
C	3	
D	4	
E		
F		
46	Sara muốn bảo đám rằng chỉ có 1 một bản ghi cho mỗi sinh viên trong bảng students. Loại bảo toàn dữ liệu nào sau đây được sử dụng :	

A	Bảo toàn thực thể (Entity integrity)	1
B	Bảo toàn miền (Domain integrity)	
C	Bảo toàn tham chiếu (Referential integrity)	
D	Bảo toàn thủ tục (Procedure integrity)	
E		
F		
47	Trong database Sales có bảng Khachhang và bảng Hoadon. Mỗi một hoá đơn chỉ bán cho một khách hàng , và mỗi một khách hàng có thể không có hoặc có nhiều hoá đơn. Nên chọn các cột làm khóa chính và khoá ngoại trong các bảng như thế nào ?	
A	Trong bảng Khachhang chọn khoá chính là Mã hóa đơn (MaHD). Trong bảng Hoadon chọn khoá chính là Mã khách hàng (MaKH)	
B	Trong bảng Khachhang chọn khoá chính là Mã khách hàng (MaKH). Trong bảng Hoadon chọn khoá chính là Mã khách hàng (MaKH	
C	Trong bảng Khachhang chọn khoá chính là Mã khách hàng (MaKH). Trong bảng Hoadon chọn khoá ngoại là Mã hoa don (MaHD)	
D	Trong bảng Khachhang chọn khoá chính là Mã khách hàng (MaKH). Trong bảng Hoadon chọn khoá ngoại là Mã khách hàng (MaKH)	1
E		
F		
48	Lệnh nào sau đây là **không đúng** khi nói về tính bảo toàn dữ liệu?	
A	Ràng buộc PRIMARY KEY được dùng để bảo đảm là không có giá trị NULL hay trùng nhau trong 1 hàng đã cho của bảng	
B	Ràng buộc CHECK được dùng để bảo đảm là chỉ có 1 bộ các giá trị xác định được phép nhập vào 1 cột đã cho của bảng	
C	Ràng buộc UNIQUE KEY được dùng để bảo đảm là các cột giống nhau trong bảng chứa các giá trị giống nhau	1
D	Ràng buộc DEFAULT để bảo đảm là 1 giá trị hằng sẽ được đưa vào 1 cột khi người dùng không xác định nó	

E		
F		
49	Xác định toán tử nào cho phép chọn 1 giá trị phù hợp với 1 trong các giá trị của một danh sách :	
A	IN	1
B	AND	
C	OR	
D	NOT	
E		
F		
50	Lệnh nào sau đây dùng để xoá tất cả các hàng của 1 một bảng mà không kích hoạt trigger	
A	DELETE	
B	TRUNCATE	1
C	DROP	
D	REMOVE	
E		
F		
51	Tính chất nào sau đây là cần thiết để 2 bảng có thể union (hợp) với nhau:	
A		
B	Các thuộc tính phải cùng loại dữ liệu	1
C	Các thuộc tính phải cùng dữ liệu	
D	Các thuộc tính có dữ liệu là duy nhất	
E	Các thuộc tính có loại dữ liệu khác nhau	
F		

52	Mệnh đề nào sau đây được dùng để hiển thị tên của tất cả các nhóm, kể cả những nhóm bị loại trừ khỏi mệnh đề WHERE từ 1 bảng được cho	
A	GROUP BY	
B	HAVING	
C	GROUP BY ALL	1
D	COMPUTE	
E		
F		
53	Phát biểu SQL nào sau đây được dùng để hiển thị chỉ những hàng của bảng Titles mà trường ytd_sales chưa được tính toán:	
A	SELECT * FROM Titles WHERE Ytd_Sales = NULL	
B	SELECT * FROM Titles WHERE Ytd_Sales is NULL	1
C	SELECT * FROM Titles WHERE Ytd_Sales =0	
D	SELECT * FROM Titles WHERE Ytd_Sales = ??	
E		
F		
54	Bảng Student được tạo ra bởi lệnh sau: CREATE TABLE Student (OwnerID int IDENTITY (1, 1) NOT NULL, FirstName char(20) NULL, LastName char(30) NULL, BirthDate date NULL, CONSTRAINT PK_Owners PRIMARY KEY (Owner ID)) Khi thông tin về 1 sinh viên (student) nào đó được tạo ra, ngày sinh của sinh viên đó nếu không được nhập vào thì database cần tạo 1 thông báo lỗi. Bạn cần chọn cách thực hiện nào để kiểm tra tính hợp lệ của trường ngày sinh và tạo thông báo lỗi khi không hợp lệ	
A	Thêm ràng buộc CHECK vào trường BirthDate (ngày sinh)	
B	Tạo 1 rule rồi gán nó cho trường BirthDate	

C	Thay đổi cấu trúc bảng sao cho trường BirthDate không được phép giái trị null	
D	Tạo trigger trên bảng Student để xét tính hợp lệ của trường birthDate	1
E		
F		
55	lệnh SQL sau: SELECT Customers.name, Customers.ord_id, Orders.ord_date FROM Customers INNER JOIN Orders WHERE Customers.cust_id = Orders.cust_id Cả hai bảng đều có 10000 hàng. Truy vấn này mất nhiều thời gian để thực hiện, Để cải thiện việc thực thi truy vấn ta nên dùng đối tượng nào sau đây:	
A	Triggers	
B	Stored procedures	
C	Views	1
D	Batches	
E		
F		
56	Select * from ExternalCandidate Where Testscore < 20 and Testscore >=80 Đầu ra của lệnh trên là gì	
A	Truy vấn sẽ hiển thị các bản ghi của những ứng viên (candidate) mà có điểm thi (test score) nhỏ hơn 20 hoặc lớn hơn hay bằng 80	
B	Truy vấn sẽ hiển thị các bản ghi của chỉ những ứng viên nào mà điểm lớn hơn 20	
C	Truy vấn sẽ hiển thị các bản ghi của chỉ những ứng viên nào mà điểm lớn hơn hay bằng 80	
D	Truy vấn sẽ thực thi được nhưng không hiển thị bất kỳ bản ghi nào	1
E		
F		
57	Thủ tục hệ thống (system-stored procedure) nào dùng để cung cấp thông tin về các đối tượng Db hay loại dữ liệu của người dùng	

A	sp_droptype	
B	Sp_helptext	
C	Sp_help	1
D	Sp_bindrule	
E		
F		
58	Một kết nối giữa 2 bảng mà không có bất kỳ điều kiện nào trong mệnh đề ON thì được gọi là:	
A	Inner join	
B	Outer join	
C	Cross join	1
D	Equi join	
E		
F		
59	Sử dụng lệnh Select với tùy chọn nào để giới hạn số hàng được trả về :	
A	Với mệnh đề WHERE	
B	Với mệnh đề GROUP BY	
C	Với mệnh đề TOP	
D	Với từ khoá DISTINCT	1
E		
F		
60	Lệnh nào sau đây dùng để hiển thị 10 hàng đầu tiên trong bảng Titles:	
A	SELECT * FROM Titles WHERE count(*) = 10	
B	SELECT count(10) FROM Titles	

C	SELECT TOP(10) FROM Titles	
D	SELECT TOP 10 * FROM Titles	1
E		
F		